

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT VÀ TỪNG BƯỚC XÂY DỰNG QUAN HỆ SẢN XUẤT XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

TRẦN VĂN PHÒNG *

Tóm tắt: Bài viết phân tích một số vấn đề lý luận về mối quan hệ giữa phát triển lực lượng sản xuất (LLSX) và từng bước xây dựng quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa (QHSX XHCN) ở Việt Nam hiện nay. Đó là các vấn đề: nhận thức lý luận về lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất, tính hiện đại của lực lượng sản xuất; xác định đặc trưng của quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, cơ sở quy định tính chất tiến bộ hay không tiến bộ của quan hệ sản xuất. Theo tác giả, đặc trưng kinh tế của CNXH có thể được diễn đạt là: có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất phù hợp, tiến bộ; người lao động thực sự làm chủ quá trình sản xuất; sản phẩm lao động được phân phối công bằng có tính tới an sinh xã hội và phúc lợi xã hội.

Từ khóa: Lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất, xã hội chủ nghĩa, chủ nghĩa xã hội, Việt Nam.

1. Nhận thức lý luận về lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất

Các hình thái kinh tế - xã hội khác nhau về LLSX, QHSX và về kiến trúc thượng tầng. LLSX là yếu tố của xã hội trước được giữ lại và phát triển thêm lên trong xã hội sau, thể hiện “tính liên tục” của lịch sử xã hội. Trong khi đó, QHSX cũ được thay thế bằng QHSX khác; QHSX “là những hình thức *nhất thời* và mang *tính lịch sử*”⁽¹⁾ thể hiện “tính đứt đoạn” của lịch sử; và vì thế mà QHSX đóng vai trò là *đặc trưng nổi bật của hình thái kinh tế - xã hội*. Điều này cắt nghĩa vì sao việc cải tạo các QHSX

được xem là tính quy luật phổ biến của công cuộc xây dựng CNXH, còn công nghiệp hóa XHCN để phát triển LLSX chỉ là tính đặc thù của con đường đi lên CNXH trong điều kiện chưa qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa (TBCN). Nhận thức rõ điều này cho thấy, tại sao nước ta phải thực hiện CNH, HĐH để phát triển LLSX hiện đại và đặc biệt phải quan tâm xây dựng, hoàn thiện QHSX XHCN.

(*) Phó giáo sư, tiến sĩ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

(1) C.Mác và Ph.Ăngghen (1996), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, t. 27, tr. 659.

Việc nhận thức về tính hiện đại của LLSX cũng không đơn giản vì tính hiện đại của LLSX là có tính lịch sử, không có một thước đo bất biến. Tuy nhiên, tính hiện đại của LLSX XHCN phải được thể hiện ở 4 mặt: *một là, trình độ phát triển cao của người lao động* (người lao động có trình độ chuyên môn, kỹ thuật giỏi; có khả năng tư duy và lao động sáng tạo; có khả năng thích ứng cao với sự biến đổi của kinh tế thị trường; có phẩm chất đạo đức, nhân cách cao đẹp; có tác phong làm việc hiện đại, có kỷ luật lao động và lao động năng suất, hiệu quả); *hai là, tính hiện đại của công cụ lao động* (tính hiện đại của công cụ lao động cũng mang tính lịch sử, phụ thuộc vào trình độ công nghệ của thế giới và khả năng ứng dụng vào điều kiện cụ thể của quốc gia); *ba là, tính hiện đại của đối tượng lao động và phương tiện lao động sản xuất* (điều này được thể hiện ở mức độ chuyển hóa cao và trực tiếp của tri thức xã hội phổ biến thành LLSX xuất trực tiếp của nền sản xuất xã hội); *bốn là, sự đồng bộ về tính hiện đại giữa người lao động, công cụ lao động và đối tượng, phương tiện lao động*.

Cần lưu ý rằng, theo lý luận hình thái kinh tế - xã hội của C.Mác, phù hợp với trình độ hiện đại của LLSX thì phải có một QHSX hiện đại tương ứng. Nghĩa là, nếu LLSX hiện đại thì QHSX cũng phải hiện đại. Tính hiện đại của QHSX thể hiện ở cả ba quan hệ: quan hệ sở hữu về tư liệu sản xuất; quan hệ tổ chức

quản lý sản xuất; quan hệ phân phối sản phẩm lao động. Tiêu chí về tính hiện đại của các quan hệ này phải được thể hiện ở chỗ: chúng phù hợp với xu thế phát triển của LLSX của nhân loại; phù hợp với trình độ phát triển của LLSX và thúc đẩy LLSX phát triển; tạo ra môi trường lao động sản xuất lành mạnh; thúc đẩy, cổ vũ, người lao động sáng tạo, cống hiến cao nhất cho năng suất, hiệu quả lao động. QHSX hiện đại xét đến cùng cũng phải vì người lao động, cho người lao động, thì mới phát huy được tối đa vai trò của người lao động cũng như của công nghệ, máy móc.

2. Dấu hiệu đặc trưng của QHSX XHCN (khác biệt với các loại QHSX khác, đặc biệt là với QHSX TBCN)

Cương lĩnh (2011) của Đảng ta đã chỉ ra dấu hiệu đặc trưng của QHSX XHCN mà nhân dân ta xây dựng là “quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp” với lực lượng sản xuất hiện đại. Sự phù hợp của QHSX ở đây là *phù hợp với trình độ phát triển của LLSX*. Biểu hiện của sự phù hợp của QHSX với trình độ phát triển của LLSX được thể hiện ở năng suất lao động xã hội tăng; đời sống của người lao động không ngừng được nâng cao; điều kiện làm việc của người lao động được bảo đảm và thường xuyên được cải thiện; công nghệ sản xuất, dây chuyền, thiết bị sản xuất, phương tiện lao động thường xuyên được đổi mới, hiện đại hóa, v.v.. Tuy nhiên, nếu QHSX chỉ phù hợp với trình độ phát triển của LLSX không thôi thì chưa đủ điều kiện

để xác định tính chất của xã hội XHCN. Do vậy, điểm mới của *Cương lĩnh* (2011) so với những nhận thức trước đây về vấn đề này là nhấn mạnh và diễn đạt rằng QHSX phải “tiến bộ phù hợp”. *Tiến bộ của QHSX phải được thể hiện trước hết ở mục đích của nền sản xuất xã hội trước hết là vì người lao động, phục vụ người lao động chứ không phải vì mục tiêu lợi nhuận tối đa.* Đây là điểm khác biệt căn bản của QHSX XHCN với QHSX TBCN. Thực tế cho thấy, QHSX TBCN hiện thời vẫn còn phù hợp với trình độ phát triển của LLSX ở các nước TBCN. Nếu không có sự phù hợp này thì kinh tế TBCN đã không thể phát triển được. Nhưng QHSX TBCN hiện đã mất vai trò lịch sử tiến bộ, vì xét về bản chất nó đang đi ngược lại xu thế phát triển tiến bộ của LLSX. Hơn nữa, QHSX xét đến cùng quy định mục đích của nền sản xuất xã hội. Thực tế phát triển lịch sử của nhân loại đã chứng tỏ mục đích cuối cùng của nền sản xuất TBCN là vì mục tiêu lợi nhuận tối đa chứ không vì con người nói chung, vì người lao động nói riêng. Điều này đã được C.Mác phân tích làm sáng tỏ rất rõ trong bộ “*Tư bản*”. Mặc dù, CNTB ngày nay có những thay đổi tiến bộ so với CNTB hoang sơ thời mà C.Mác sống, nhưng bản chất vì lợi nhuận tối đa của nó vẫn chưa thay đổi: “*Sản xuất giá trị thặng dư hay lợi nhuận là quy luật tuyệt đối của phương thức sản xuất này*”⁽²⁾. Việc đầu tư phát triển LLSX hiện đại của nhà tư bản hiện nay

cũng không ngoài mục tiêu lợi nhuận tối đa. Đồng thời, nhà tư bản cũng điều chỉnh QHSX theo hướng không chỉ phù hợp với trình độ phát triển của LLSX mà còn theo hướng “tiến bộ” nhất định. Trong quan hệ sở hữu đối với tư liệu sản xuất, nhà tư bản thực hiện cổ phần hóa; một số công nhân có khả năng mua cổ phiếu của công ty tư bản. Tuy nhiên, điều này chưa chứng minh được tính xã hội hóa của QHSX TBCN đã được nâng lên để phù hợp với tính xã hội hóa cao của LLSX hiện đại. Hơn nữa, do số cổ phiếu mà công nhân nắm giữ chỉ là lượng rất nhỏ, cho nên công nhân về thực chất không có bất cứ quyền hạn gì đối với quá trình sản xuất. Ngay từ năm 1916, trong tác phẩm “*Chủ nghĩa đế quốc giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản*”, V.I.Lênin đã chỉ ra rằng cổ phần hóa công ty với những cổ phiếu giá thấp mà người lao động có thể mua được “*thật ra chỉ là trong những phương pháp tăng thêm uy lực cho bọn đầu sỏ tài chính*”⁽³⁾ mà thôi. Đây vừa là một biện pháp huy động vốn trong công nhân dù không nhiều, vừa là biện pháp tâm lý xã hội làm giảm mâu thuẫn giữa tư bản và lao động. Trong quan hệ tổ chức, quản lý sản xuất nhà tư bản cũng có những điều chỉnh nhất định nhằm phát huy sức mạnh sở trường, kỹ năng, kỹ xảo, v.v. của người công nhân, qua

⁽²⁾ C.Mác và Ph.Ăngghen (1993), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, t. 23, tr. 872.

⁽³⁾ V.I.Lênin (1985), *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, t. 27, tr. 439.

đó nhằm nâng cao hiệu quả, sản xuất kinh doanh. Đồng thời, nhà tư bản còn ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ hiện đại vào tổ chức, quản lý sản xuất. Điều này mặc dù có tác động tiêu cực nhất định trong quan hệ trực tiếp giữa người với người trong QHSX, nhưng làm giảm sự đối đầu trực diện giữa ông chủ tư bản và người công nhân làm thuê. Trong quan hệ phân phối nhà tư bản cũng có những điều chỉnh về phân phối thu nhập, tạo điều kiện làm việc thuận lợi hơn cho người lao động. Tất nhiên, so với những gì mà người lao động bằng sức lao động của mình làm ra cho nhà tư bản thì cái mà người lao động nhận được từ nhà tư bản là rất ít ỏi. Thực tế đã chứng tỏ sự điều chỉnh này là có giới hạn. Bởi lẽ, nhà tư bản không thể vượt qua được giới hạn của chính mình.

Trong *Cương lĩnh* (2011), Đảng ta nhấn mạnh *tính chất tiến bộ* của QHSX XHCN mà nhân dân ta xây dựng. Tuy nhiên, chúng ta không được coi nhẹ sự “phù hợp”. Bởi lẽ, nói đến “phù hợp” là nhấn mạnh sự cần thiết phải tuân theo quy luật khách quan (QHSX phải phù hợp với trình độ phát triển của LLSX); còn nói đến tiến bộ là nói về tính chất xã hội của QHSX. Tiến bộ - phù hợp, phù hợp - tiến bộ ở đây phải gắn kết chặt chẽ với nhau. Bởi lẽ, có trường hợp QHSX phù hợp với trình độ phát triển của LLSX nhưng không tiến bộ. QHSX TBCN hiện nay là vậy, hay ở những vùng núi cao, đặc biệt khó khăn, việc sử dụng công cụ thô sơ để trồng ngô tuy

phù hợp nhưng không tiến bộ. Thực tế cũng cho thấy, QHSX mặc dù có thể tiến bộ nhưng lại không phù hợp với trình độ phát triển của LLSX. Đó là trường hợp QHSX của chúng ta trước thời kỳ đổi mới 1986. Cả hai trường hợp này đều cản trở LLSX phát triển.

3. Cơ sở quy định tính chất tiến bộ hay không tiến bộ của QHSX

Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lênin đã chỉ rõ cơ sở đó chính là quan hệ sở hữu trong QHSX. Xét về mặt lịch sử QHSX dựa trên chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất cũng có những thang bậc phát triển khác nhau và QHSX giai đoạn sau bao giờ cũng tiến bộ hơn QHSX của giai đoạn trước (QHSX phong kiến tiến bộ hơn QHSX chiếm hữu nô lệ; QHSX tư bản tiến bộ hơn QHSX phong kiến). Tuy nhiên, nếu QHSX dựa trên chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất thì không thể tiến bộ theo nghĩa ở trên.

Các đặc trưng của xã hội tương lai được trình bày một cách khác nhau trong những tác phẩm khác nhau của C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin, song đặc trưng quan trọng nhất luôn được các ông nhấn mạnh trước hết là *chế độ sở hữu công cộng*. Vì thế, trong lý luận cũng như thực tiễn của CNXH hiện thực, chế độ công hữu được xem là đặc trưng cơ bản nhất của QHSX XHCN và QHSX dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất là một đặc trưng cơ bản của xã hội XHCN. Nhưng rồi, thực tiễn đã buộc chúng ta phải xem xét lại nhận thức lý luận về chế độ công hữu XHCN.

Có thể khẳng định được rằng, những khiếm khuyết của chế độ công hữu trong mô hình CNXH trước đổi mới đã góp phần tạo nguyên nhân dẫn đến sự khủng hoảng của CNXH. Vấn đề càng trở nên phức tạp khi mà kinh tế tư nhân trở thành bộ phận hợp thành của nền kinh tế quốc dân thống nhất và hơn nữa đang đóng vai trò là một động lực mạnh mẽ trong công cuộc xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN của nước ta hiện nay. Trong khi đó, những khiếm khuyết của chế độ công hữu không chỉ cản trở sự phát triển của LLSX, mà còn tạo điều kiện cho những hành vi bòn rút của cải của đất nước, gây nên những tranh chấp phức tạp, những xung đột gay gắt trong xã hội.

Trong quá trình đổi mới, khắc phục nhận thức sai lầm, chủ quan duy ý chí trước đây (làm trái với quy luật về sự phù hợp của QHSX với trình độ phát triển của LLSX), Đảng ta đã đạt hai bước tiến về lý luận (đến trước Đại hội X): *Một là*, Đảng vẫn khẳng định chế độ công hữu là đặc trưng của QHSX XHCN; song cho rằng chế độ công hữu chỉ là đối với tư liệu sản xuất chủ yếu. *Hai là*, Đảng khẳng định rằng đó là QHSX của xã hội XHCN với tính cách là mục tiêu tiến tới trong tương lai. QHSX như vậy được hình thành và phát triển không phải bằng cách xóa bỏ các thành phần kinh tế “phi XHCN” mà là thông qua quá trình xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN. Chính vì phải đảm bảo sự phù

hợp của QHSX với trình độ phát triển của LLSX mà trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN tất yếu phải có sự tồn tại nhiều hình thức sở hữu. *Về mặt lý luận có thể khẳng định, QHSX dựa trên chế độ tư hữu thì không thể có mục tiêu tiến bộ vì người lao động được. Có thể do những điều kiện, hoàn cảnh lịch sử mà chúng ta cần phải diễn đạt QHSX XHCN như trong Cương lĩnh (2011). Nhưng khi khẳng định QHSX của CNXH khi đã xây dựng xong không chỉ phù hợp với trình độ phát triển của LLSX mà còn có tính chất tiến bộ thì chúng ta đã ngầm nói rằng QHSX ấy phải dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất (dù là tư liệu sản xuất chủ yếu).* Bởi, chỉ dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất (chủ yếu) mới có thể bảo đảm thực sự cho QHSX tiến bộ. Có ý kiến cho rằng, việc không khẳng định chế độ công hữu là đặc trưng của QHSX XHCN là nhận thức mới, phù hợp với thực tế của nước ta hiện nay, tránh được thái độ kỳ thị làm cản trở sự phát triển của kinh tế tư nhân. Ý kiến này không có căn cứ, nhưng dường như lại được không ít người chấp nhận. *Cương lĩnh 1991 và trong các Văn kiện Đại hội cho tới Đại hội IX đã phân biệt rõ ràng đặc trưng của QHSX của xã hội XHCN trong tương lai với sự cùng tồn tại đan xen, hỗn hợp của các hình thức sở hữu khác nhau, sự bình đẳng của các thành phần kinh tế trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN đang được xây dựng và phát triển lâu dài hiện nay. Điều đáng*

nói là, các Văn kiện Đại hội X và của Đại hội XI không khẳng định chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu của QHSX trong xã hội tương lai, nhưng gián tiếp khẳng định chế độ đó trong nền kinh tế *còn đang định hướng XHCN* hiện nay, khi viết: “Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN... Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Kinh tế tập thể không ngừng được củng cố và phát triển. Kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân”⁽⁴⁾; “*Nắm vững định hướng XHCN trong nền kinh tế thị trường ở nước ta là: (...) Phát triển nền kinh tế nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân*”⁽⁵⁾.

Ph.Ăngghen đã cảnh báo trong “*Những nguyên lý của chủ nghĩa cộng sản*” rằng, không thể thủ tiêu chế độ tư hữu, xác lập chế độ công hữu một cách chủ quan duy ý chí. Vấn đề đặt ra là: quan điểm của *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* về thủ tiêu chế độ tư hữu có còn đúng hay không? Có người cho rằng chế độ tư hữu tồn tại vĩnh viễn cả trong xã hội cộng sản tương lai, bởi vì chế độ công hữu chỉ là đối với tư liệu sản xuất chủ yếu mà thôi. Lại có ý kiến cho rằng, phải hiểu khẩu hiệu thủ tiêu chế độ tư hữu của *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* theo nghĩa là chỉ thủ tiêu tư hữu tư sản chứ không phải là thủ tiêu chế độ tư hữu

nói chung. Căn cứ của ý kiến đó là, trước khi nêu công thức xóa bỏ chế độ tư hữu, *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* đã viết: “Việc xóa bỏ những quan hệ sở hữu đã tồn tại trước kia không phải là một cái gì đặc trưng vốn có của chủ nghĩa cộng sản”, “Đặc trưng của chủ nghĩa cộng sản không phải là xóa bỏ chế độ sở hữu nói chung, mà là xóa bỏ chế độ sở hữu tư sản”⁽⁶⁾.

Cách giải thích này là gượng ép và không đúng “theo ý nghĩa” đã được C.Mác giải thích. Bởi lẽ, *thứ nhất*, *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* viết rằng không xóa bỏ “chế độ sở hữu nói chung” (chứ không phải là “chế độ tư hữu nói chung”); *thứ hai*, *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* chỉ rõ: “Nhưng chế độ tư hữu tư sản hiện thời lại là biểu hiện cuối cùng và đầy đủ nhất của phương thức sản xuất và chiếm hữu sản phẩm dựa trên những đối kháng giai cấp, trên cơ sở những người này bóc lột những người kia”⁽⁷⁾. Còn với những hình thức sở hữu có trước sở hữu tư sản thì đâu cần CNCS xóa bỏ, vì “sự phát triển của công nghiệp đã xóa bỏ và hàng ngày vẫn tiếp tục xóa bỏ cái đó rồi”⁽⁸⁾. Vậy là, khi xóa bỏ sở hữu tư sản, cái

⁽⁴⁾ Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 73 - 74.

⁽⁵⁾ Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 77.

⁽⁶⁾ C.Mác, Ph.Ăngghen (2004), *Toàn tập*, t. 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 615.

⁽⁷⁾ *Sđđ*, tr. 615.

⁽⁸⁾ *Sđđ*, tr. 616.

“biểu hiện cuối cùng và đầy đủ nhất” của chế độ tư hữu, CNCS đã xóa bỏ chế độ tư hữu nói chung. Công thức “xóa bỏ chế độ tư hữu” được hiểu chính là “theo ý nghĩa đó”. Quan điểm này của *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* cũng được Ph.Ăngghen diễn đạt một cách rõ ràng trong “*Những nguyên lý của chủ nghĩa cộng sản*”, khi ông viết rằng: “người vô sản chỉ có thể tự giải phóng được, sau khi đã tiêu diệt chế độ tư hữu nói chung”⁽⁹⁾, cũng như khi giải đáp một câu hỏi về “xóa bỏ triệt để chế độ tư hữu”⁽¹⁰⁾. Trong “*Điều lệ của Liên đoàn những người cộng sản*”, khi nói về mục đích của Liên đoàn cũng xác định là “xây dựng một xã hội mới không có giai cấp và không có chế độ tư hữu”⁽¹¹⁾.

Đương nhiên, tư tưởng của các nhà sáng lập CNCS khoa học về xóa bỏ chế độ tư hữu không phải là nhất thành bất biến, không phải không có những hạn chế mang tính lịch sử và cả biểu hiện nhất thời của mong muốn chủ quan nào đó. Và chắc chắn rằng, các ông cũng không hình dung được những hậu quả tệ hại của việc làm méo mó chế độ công hữu như đã xảy ra sau này. Nhưng có thể nói rằng, *chưa bao giờ các ông từ bỏ yêu cầu xây dựng một xã hội không còn chế độ tư hữu*, do đó mà không còn chế độ bóc lột; mặc dầu cũng chưa bao giờ các ông phủ nhận vai trò lịch sử của chế độ tư hữu gắn liền với chế độ bóc lột, kể cả chế độ chiếm hữu nô lệ cổ đại Hy Lạp; hơn nữa các ông còn đặc biệt đánh giá cao vai trò lịch sử của nền sản xuất TBCN.

Vấn đề là ở chỗ, chế độ tư hữu phải bị xóa bỏ không phải là sở hữu riêng của người lao động mà là cái sở hữu nhờ đó có thể thực hiện sự bóc lột, là “phương thức sản xuất và chiếm hữu dựa trên cơ sở những đối kháng giai cấp, trên cơ sở người này bóc lột người kia”, như đã dẫn ra ở trên. C.Mác không xem kinh tế cá thể (mà hiện nay ta vẫn gọi là sở hữu tư nhân) là chế độ sở hữu tư nhân, mà là một hình thức kinh tế thuộc phạm trù sở hữu cá nhân. C.Mác đã làm rõ sự khác nhau về bản chất giữa sở hữu cá nhân và sở hữu tư nhân. *Sở hữu cá nhân* theo C.Mác là “sở hữu do cá nhân mỗi người làm ra, kết quả lao động của cá nhân, sở hữu mà người ta bảo là cơ sở của mọi tự do, mọi hoạt động và mọi sự độc lập của cá nhân”⁽¹²⁾. Còn khái niệm *sở hữu tư nhân* được C.Mác dùng không phải theo nghĩa sở hữu riêng của cá nhân bất kỳ, mà chỉ là sở hữu riêng, nhờ đó người chủ sở hữu có thể chiếm đoạt kết quả lao động của người khác. Nó chỉ tồn tại trong những chế độ sở hữu nhất định – các chế độ tư hữu khác nhau, gắn với những “phương thức sản xuất và chiếm hữu dựa trên cơ sở những đối kháng giai cấp, trên cơ sở những người này bóc lột những người kia”. Do đó, sở hữu tư sản là sở hữu tư nhân mà không phải là sở hữu cá nhân. Cho nên, C.Mác viết: “Nếu tư bản biến thành sở hữu tập thể thuộc tất cả mọi thành viên trong xã hội thì đó

⁽⁹⁾ *Sđd*, tr. 461.

⁽¹⁰⁾ *Sđd*, tr. 473.

⁽¹¹⁾ *Sđd*, tr. 732.

⁽¹²⁾ *Sđd*, tr. 616.

không phải là một sở hữu cá nhân chuyển thành sở hữu xã hội. Chỉ có tính chất xã hội của sở hữu là thay đổi thôi. Sở hữu mất tính chất giai cấp của nó”⁽¹³⁾.

Trong bộ *Tư bản*, C.Mác coi sở hữu tư sản là sự phủ định sở hữu cá nhân của đông đảo người lao động và các hình thức sở hữu tư nhân có trước tư sản là *sự phủ định thứ nhất*; còn sự phủ định sở hữu tư sản bằng sở hữu công cộng (sở hữu XHCN) là *sự phủ định của phủ định*. Sự phủ định này “không khôi phục sở hữu tư nhân, nhưng là khôi phục sở hữu cá nhân”⁽¹⁴⁾. Chỉ có điều, sở hữu cá nhân này được thực hiện trên cơ sở thành tựu xã hội hóa tư liệu sản xuất và đất đai do CNTB đưa lại. Vì thế, như đã viết trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, “sở hữu cá nhân không còn có thể biến thành sở hữu tư sản được nữa”⁽¹⁵⁾.

Như vậy, trong xã hội cộng sản chủ nghĩa không chỉ có chế độ công hữu (các hình thức sở hữu công cộng, sở hữu chung - C.Mác thường dùng những thuật ngữ này nhiều hơn) mà còn có sở hữu cá nhân, hơn nữa sở hữu cá nhân có vị trí rất quan trọng. Sở hữu cá nhân không phải chỉ là sở hữu riêng, mà còn được khôi phục lại trong sở hữu chung, sở hữu xã hội, tức là cả trong hình thức công hữu.

4. Dấu hiệu đặc trưng của QHSX XHCN

Trước hết cần lưu ý, dấu hiệu đặc trưng của QHSX XHCN là dấu hiệu của xã hội XHCN mà nhân dân ta đã xây dựng thành công, chứ không phải là của xã hội đang trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN hiện nay. Về dấu hiệu này, chúng ta có thể kế thừa cách

diễn đạt của Đại hội XI, nhưng nên đưa thêm những đặc trưng về quan hệ quản lý, tổ chức sản xuất và quan hệ phân phối sản phẩm để rõ hơn đặc trưng của QHSX XHCN. Cụ thể, có thể nói, trong chủ nghĩa xã hội đã được xây dựng xong về quan hệ quản lý, tổ chức sản xuất thì “người lao động thực sự làm chủ quá trình lao động sản xuất”; về quan hệ phân phối sản phẩm thì “thực hiện phân phối công bằng sản phẩm lao động kết hợp với an sinh xã hội và phúc lợi xã hội”. Phân phối công bằng nghĩa là: làm nhiều, hiệu quả cao thì được phân phối nhiều; làm ít, kém hiệu quả thì được phân phối ít; ai đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác nhiều thì được phân phối nhiều, ai đóng góp ít thì được phân phối ít. Tuy nhiên, CNXH mà chúng ta xây dựng là chế độ vì con người; chúng ta thực hiện phân phối công bằng nhưng có tính tới an sinh xã hội và phúc lợi xã hội. Do vậy, đặc trưng kinh tế của CNXH có thể được diễn đạt là: “*có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất phù hợp, tiến bộ; người lao động thực sự làm chủ quá trình sản xuất; sản phẩm lao động được phân phối công bằng có tính tới an sinh xã hội và phúc lợi xã hội*”. Diễn đạt như vậy đã gián tiếp và ngầm nói lên rằng QHSX đó phải dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất (chủ yếu).

⁽¹³⁾ *Sđd*, tr. 616 - 617.

⁽¹⁴⁾ C.Mác, Ph.Ăngghen, *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, t. 23, tr. 1059 – 1060.

⁽¹⁵⁾ C.Mác, Ph.Ăngghen, *Tuyển tập*, t. 1, tr. 561.

